

Số: 108/TB-HĐ

Quận 10, ngày 23 tháng 8 năm 2023

THÔNG BÁO
Về triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2
kỳ tuyển dụng viên chức năm học 2023 – 2024

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ về Quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Quyết định số 94/QĐ-HH ngày 21 tháng 8 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường THCS Hòa Hưng về thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức năm học 2023 – 2024;

Thực hiện Kế hoạch số 81/KH-HH ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Trường THCS Hòa Hưng về việc tuyển dụng viên chức năm học 2023 - 2024;

Căn cứ kết quả vòng 1, Hội đồng tuyển dụng viên chức thông báo một số nội dung như sau:

1. Triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển
1	Tô Thị Ngọc	26/9/1989	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
2	Nguyễn Thị Thu Hương	17/3/2001	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
3	Trần Hoàng Ái Duyên	20/6/2001	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
4	Trần Thị Lam	07/9/1999	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)

5	Trần Như Huyền	06/01/1997	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
6	Trần Thanh Thiên Ái	19/7/1999	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
7	Dương Thùy Linh	17/7/1996	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
8	Lý Ngọc Vy	21/11/2001	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
9	Phạm Văn Khôi	25/5/1985	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
10	Phạm Hải Sơn	06/5/1997	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
11	Giang Huệ Phương	10/10/1999	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
12	Trương Cát Vy	04/01/2001	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
13	Phạm Đức Thắng	02/12/1996	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
14	Văn Công Tài	04/10/1994	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
15	Phạm Hoàng Yến	26/3/1994	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
16	Nguyễn Xuân Việt	22/3/1992	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
17	Lê Ngọc Thiên Ý	13/7/1999	Nữ	GV Tiếng Anh (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
18	Phạm Thị Cẩm Tú	19/6/1997	Nữ	GV Tiếng Anh (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
19	Nguyễn Thùy Dương	19/7/1999	Nữ	GV Tiếng Anh (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)
20	Bùi Thanh Ngọc	27/11/1987	Nữ	GV Giáo dục công dân (GV THCS Hạng III. mã số V.07.04.32)

21	Ma Thị Liễu	01/6/1989	Nữ	GV Giáo dục công dân (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
22	Trần Duy Long	21/4/1997	Nam	GV Giáo dục công dân (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
23	Lê Thị Minh Yên	02/7/1984	Nữ	GV Công nghệ (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
24	Huỳnh Quốc Cường	27/5/1997	Nam	GV Giáo dục thể chất (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
25	Nguyễn Thụy Quỳnh Mỹ	17/5/2000	Nữ	GV Giáo dục thể chất (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
26	Nguyễn Hữu Khang	25/7/1999	Nam	GV Giáo dục thể chất (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
27	Đinh Thanh Trí	22/11/1988	Nam	GV Âm nhạc (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)
28	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	20/8/1980	Nữ	NV Thư viện (Thư viện viên Hạng IV, mã số V.10.02.07)
29	Đặng Thị Út Hoa	15/5/1988	Nữ	NV Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin Hạng IV, mã số V.11.06.15)

2. Thời gian thi: ngày 28 tháng 8 năm 2023 (thứ Hai)

Môn: NGHỆ THUẬT (ÂM NHẠC)						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	AN01	Đinh Thanh Trí	22/11/1988	Nam	GV Âm nhạc (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	7 giờ 30 phút
Môn: GIÁO DỤC CÔNG DÂN						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	GDCD01	Bùi Thanh Ngọc	27/11/1987	Nữ	GV Giáo dục công dân (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	7 giờ 30 phút
2	GDCD02	Ma Thị Liễu	01/6/1989	Nữ	GV Giáo dục công dân (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	7 giờ 45 phút
3	GDCD03	Trần Duy Long	21/4/1997	Nam	GV Giáo dục công dân (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	8 giờ



Môn: NGỮ VĂN						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	V01	Tô Thị Ngọc	26/9/1989	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	8 giờ 30 phút
2	V02	Trần Thị Lam	07/9/1999	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	8 giờ 45 phút
3	V03	Trần Hoàng Ái Duyên	20/6/2001	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	9 giờ
4	V04	Nguyễn Thị Thu Hường	17/3/2001	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	9 giờ 15 phút
5	V05	Trần Như Huyền	06/01/1997	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	9 giờ 30 phút
6	V06	Trần Thanh Thiên Ái	19/7/1999	Nữ	GV Ngữ văn (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	9 giờ 45 phút
Môn: GIÁO DỤC THỂ CHẤT						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	GDTC01	Nguyễn Thụy Quỳnh Mây	17/5/2000	Nữ	GV Giáo dục thể chất (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	9 giờ 30 phút
2	GDTC02	Nguyễn Hữu Khang	25/7/1999	Nam	GV Giáo dục thể chất (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	9 giờ 45 phút
3	GDTC03	Huỳnh Quốc Cường	27/5/1997	Nam	GV Giáo dục thể chất (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	10 giờ
Nghề vụ: CÔNG NGHỆ THÔNG TIN						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	CNTT01	Đặng Thị Út Hoa	15/5/1988	Nữ	NV Công nghệ thông tin (Công nghệ thông tin Hạng IV, mã số V.11.06.15)	13 giờ 30 phút
Môn: CÔNG NGHỆ						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	CN01	Lê Thị Minh Yên	02/7/1984	Nữ	GV Công nghệ (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	13 giờ 30 phút

Nghịệp vụ: THƯ VIỆN						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	TV01	Nguyễn Thị Nguyệt Minh	20/8/1980	Nữ	NV Thư viện (Thư viện viên Hạng IV, mã số V.10.02.07)	14 giờ
Môn: TOÁN						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	T01	Trương Cát Vy	04/01/2001	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	14 giờ
2	T02	Phạm Đắc Thắng	02/12/1996	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	14 giờ 15 phút
3	T03	Phạm Hải Sơn	06/5/1997	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	14 giờ 30 phút
4	T04	Dương Thùy Linh	17/7/1996	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	14 giờ 45 phút
5	T05	Giang Huệ Phương	10/10/1999	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	15 giờ
6	T06	Phạm Hoàng Yến	26/3/1994	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	15 giờ 15 phút
7	T07	Văn Công Tài	04/10/1994	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	15 giờ 30 phút
8	T08	Lý Ngọc Vy	21/11/2001	Nữ	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	15 giờ 45 phút
9	T09	Nguyễn Xuân Việt	22/3/1992	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	16 giờ
10	T10	Phạm Văn Khôi	25/5/1985	Nam	GV Toán (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	16 giờ 15 phút
Môn: TIẾNG ANH						
STT	Mã số	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Vị trí dự tuyển	Thời gian
1	AV01	Phạm Thị Cẩm Tú	19/6/1997	Nữ	GV Tiếng Anh (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	14 giờ 30 phút
2	AV02	Lê Ngọc Thiên Ý	13/7/1999	Nữ	GV Tiếng Anh (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	14 giờ 45 phút

10
ONG
ĐC CỎ
HUN
★

3	AV03	Nguyễn Thùy Dương	19/7/1999	Nữ	GV Tiếng Anh (GV THCS Hạng III, mã số V.07.04.32)	15 giờ
---	------	-------------------	-----------	----	---	--------

3. Địa điểm thi: Trường THCS Hòa Hưng (493/73A Cách Mạng Tháng Tám – Phường 13 – Quận 10)

4. Hình thức thi: Thực hành

- Thí sinh bốc thăm đề thực hành.
- Chuẩn bị nội dung trình bày vào Phiếu làm bài trong thời gian 15 phút.
- Nộp Phiếu làm bài cho thành viên Ban kiểm tra, sát hạch.
- Trình bày kiến thức và minh họa kỹ năng hoạt động nghề nghiệp của người dự tuyển theo nội dung chuẩn bị và trả lời các câu hỏi của thành viên Ban kiểm tra, sát hạch (nếu có) trong thời gian 15 phút.

Lưu ý:

- Không thực hiện phúc khảo đối với hình thức thi thực hành, phỏng vấn
- Thang điểm: 100 điểm

5. Nội dung ôn tập:

- Đối với vị trí giáo viên: các bài trong sách giáo khoa lớp 6 và lớp 7 (chương trình giáo dục phổ thông 2018 – bộ sách Chân trời sáng tạo) và năng lực chuyên môn nghiệp vụ giảng dạy.
- Đối với vị trí nhân viên: kiến thức về nghiệp vụ công tác phù hợp với vị trí việc làm dự tuyển.

6. Thí sinh tham dự kỳ thi thực hiện đầy đủ, nghiêm túc nội quy và quy chế của kỳ thi.¹

Lưu ý: Thí sinh khi đến tham dự đến đúng lịch theo danh sách phân công của buổi thi. Có mặt tại điểm thi trước giờ thi 15 phút để hoàn tất các thủ tục dự thi và mang theo:

- Bản chính Thẻ Căn cước công dân hoặc một trong các loại giấy tờ tùy thân hợp pháp khác có dán ảnh để giám thị đối chiếu trước khi vào phòng thi;
- Chỉ được mang vào phòng thi thước kẻ, bút viết để làm bài thi và một số loại thuốc mà thí sinh dự thi có bệnh án phải mang theo; không được mang vào phòng thi điện thoại di động, máy ghi âm, máy ảnh, máy vi tính, các phương tiện kỹ thuật thu, phát truyền tin, phương tiện sao lưu dữ liệu, thiết bị chứa đựng, truyền tải thông tin

¹ theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ Nội vụ ban hành quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

khác và các loại giấy tờ, tài liệu có liên quan đến nội dung thi (trừ trường hợp đề thi có quy định khác)

Trang phục khi đến dự thi: gọn gàng, văn minh, lịch sự...

- Đối với người dự tuyển vị trí giáo viên:

+ Nữ: bộ áo dài truyền thống.

+ Nam: áo sơ mi, quần tây.

- Riêng vị trí Giáo viên môn Giáo dục thể chất: mặc trang phục chuyên môn theo quy định.

- Đối với người dự tuyển vị trí nhân viên: trang phục công sở lịch sự.

Trên đây là nội dung thông báo của Hội đồng tuyển dụng viên chức để các ứng viên được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Công khai trên trang thông tin điện tử;
- Niêm yết công khai tại đơn vị;
- Thành viên Hội đồng tuyển dụng;
- Thí sinh (đính kèm danh sách);
- Lưu: VT

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



**HIỆU TRƯỞNG
Vũ Thị Kim Chung**

